

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 03.04.2026/CBTT-TCR

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2026
Dong Nai, March 04, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization:*

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA/ *TAICERA ENTERPRISE COMPANY*

- Mã chứng khoán/ *Stock code:* TCR

- Địa chỉ/*Address:* KCN Gò Dầu, Phước Thái, Đồng Nai/ *Go Dau Industrial Park, Phuoc Thai, Dong Nai.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 02513 841 594

Fax: 02513 841 598

- E-mail: www@taicera.com

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosed Information Content:* Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02-2026/HĐQT-TCR về việc thông qua thời gian, địa điểm và các nội dung liên quan đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ *Resolution of the Board of Directors No. 02-2026/HĐQT-TCR on Approval of the Time, Venue, and Relevant Matters for Attending the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/04/2026 tại đường dẫn www.taicera.com Mục Quan hệ cổ đông/*This information was published on the company's website on 03/04/2026, as in the link www.taicera.com Investor Relations Section.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



CHEN CHENG JEN

CÔNG TY CP CN GÓM SỨ TAICERA

Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Phước Thái, Đồng Nai

Điện thoại: 02513-841.594 Fax: 02513-841.598

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 02-2026/HĐQT-TCR

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
(thông qua việc thời gia và địa điểm tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị ngày 2 tháng 04 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera quyết định vấn đề sau:

Điều 1: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera cùng nhất trí thông qua các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên như sau:

- Thời gian họp: Ngày 25/04/2026
- Địa điểm: Tại Văn phòng - Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taice, KCN Gò Dầu, Phước Thái, Đồng Nai.
- Thư mời đại hội cổ đông thường niên 2026;
- Quy chế đại hội cổ đông thường niên 2026;
- Phiếu biểu quyết các nội dung trình tại đại hội cổ đông thường niên 2026.
- Tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2026 bao gồm:
 - Chương trình đại hội cổ đông thường niên 2026;
 - Các báo cáo của Hội đồng quản trị, bao gồm: Báo cáo về công tác hoạt động của Hội đồng quản trị 2025 và kế hoạch 2026;
 - Báo cáo kết quả kinh doanh 2025 và kế hoạch 2026 của Tổng giám đốc
 - Báo cáo của Ban kiểm soát 2025;



- Báo cáo tài chính hợp nhất 2025;
- Các tờ trình như: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính hợp nhất 2026; Tờ trình phân phối lợi nhuận, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2026;
- Dự thảo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2026;

Điều 2: Nghị quyết này đã được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, lãnh đạo Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- Ban kiểm soát

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

CHEN CHENG JEN





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
Trụ sở chính: KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Giấy CNĐKDN số: 3600254001
Điện thoại: (84.2513) 841 594 - 841 597 Website: <http://www.taicera.com/>

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera (Mã CK: TCR) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 với những nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian tổ chức: 09:00 đến 12:00, ngày 25 tháng 04 năm 2026 (Thứ bảy)**
- 2. Địa điểm họp:** Văn phòng Trụ sở chính Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera-KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- 3. Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHCĐ thường niên năm 2026 được Công ty đăng tải tại website: <http://www.taicera.com/> mục **Quan hệ cổ đông** trước ngày **04/04/2026** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Điều kiện tham dự:

- Tất cả cổ đông có tên trong danh sách chốt vào ngày đăng ký cuối cùng **23/03/2026**.
- Những cổ đông không thể đến dự đại hội có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác đại diện tham gia ĐHCĐ. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
- Việc ủy quyền phải điền đầy đủ thông tin theo mẫu Giấy ủy quyền, đối với cổ đông cá nhân, phải có chữ ký xác nhận; đối với cổ đông tổ chức, phải có ký tên và đóng dấu xác nhận.

5. Một số nội dung khác:

- Để việc tổ chức Đại hội được thành công tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông gọi điện xác nhận tham dự Đại hội trước ngày **20/04/2026** theo số ĐT:

** 0251-3 841.594 (Ext 231) gặp Ms Liễu.

** Số fax: 0251-3841.598, Email: stock07@taicera.com

6. Cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự ĐHCĐ xin lưu ý:

- Có mặt lúc **08:30 ngày 25/04/2026** để làm thủ tục tham dự và nhận tài liệu.
- Xuất trình bản gốc CCCD hoặc hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu có) để tiện kiểm tra.

Xin trân trọng thông báo

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



CHEN CHENG JEN



CTY CP CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
KCN GỖ DẦU, PHƯỚC THÁI, ĐỒNG NAI
ĐT: 0251-3 841.594 Fax: 0251-3 841.598

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Ngày 25 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2026

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

Tôi tên:

(Sau đây gọi là *Người ủy quyền*)

Số CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN:.....cấp ngày: tại:.....

Địa chỉ:

Số Điện thoại liên lạc:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

(Bằng chữ:.....cổ phần)

Nay tôi xác nhận không đến tham dự Đại hội và Ủy quyền cho:

Ông/Bà: Chức vụ tại Công ty:.....

Số CCCD: cấp ngày: tại:.....

Địa chỉ:

Số Điện thoại liên lạc:

Thay mặt tôi tham dự **Đại hội cổ đông thường niên 2026** Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ thường niên với số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

_____, ngày tháng năm 2026
Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự trước ngày 20/04/2025 (ĐT: 0251-3 841.594, Ext: 231)
 2. Khi đến tham dự ĐHCĐ, Quý vị được ủy quyền vui lòng mang theo Giấy này.
 3. Trường hợp cổ đông không thể tham dự và chưa có người Đại diện, có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT dưới đây, đồng thời fax về Công ty theo số fax 0251-3841.598, người nhận: Ms Liễu-Phòng Tài vụ.
- Ông CHEN CHENG JEN-Chủ tịch HĐQT Công ty

Xin chân thành cảm ơn!

Phước Thái, ngày 02 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây được gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera (sau đây được gọi tắt là “**công ty**”); quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, người được cổ đông ủy quyền (sau đây gọi tắt là “**Cổ đông**”) và các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 2. Hiệu lực áp dụng

Quy chế này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày ký, trừ khi bị hủy bỏ hoặc thay thế bởi quyết định của Đại hội hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG II

QUYỀN & NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự Đại hội có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Quy chế nội bộ về quản trị, Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật liên quan.

Việc ủy quyền (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành.

Cổ đông tham dự Đại hội có nghĩa vụ tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều hành của Đoàn Chủ tịch và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch và Tổ thư ký

Căn cứ khoản 4 và 5, điều 18, Điều lệ Công ty, chủ tọa Đại hội sẽ do chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm trách. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.

Chủ tọa cử nhân sự cùng mình tham gia Đoàn chủ tịch để điều hành Đại hội, cử Tổ thư ký để lập biên bản và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn chủ tịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA (TCR)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ SỐ

Họ tên cổ đông:

Mã số biểu quyết:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: cp

Cổ đông đánh dấu chọn (✓) vào ô trống tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, hoặc “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề biểu quyết tại đại hội.

STT	Vấn đề cần biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch 2026 của Hội đồng quản trị			
2	Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất-kinh doanh năm 2025 Kế hoạch sản xuất-kinh doanh, dự kiến đầu tư năm 2026			
3	Báo cáo của Ban kiểm soát 2025			
4	Tờ trình về phân phối lợi nhuận 2025 và thù lao HĐQT + BKS năm 2025			
5	Tờ trình về lựa chọn Công ty Kiểm toán 2026			
6	Tờ trình về việc thay đổi Quỹ đầu tư phát triển			

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

MÃ CHỨNG KHOÁN : TCR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

2026.04.25

MỤC LỤC

1. Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch 2026 của HĐQT	3
2. Báo cáo Tổng giám đốc về tổng kết hoạt động năm 2025	9
3. Báo cáo Tổng giám đốc về kế hoạch kinh doanh 2026.....	12
4. Ban kiểm soát báo cáo Kết quả kiểm tra trong năm 2025	15
5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2025 đã kiểm toán	19
6. Tờ trình báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025	20
7. Tờ trình về thù lao HĐQT và BKS năm 2025	21
8. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026	22
9. Tờ trình về việc thay đổi Quỹ đầu tư phát triển	23
10. Dự thảo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2026.....	24
11. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025	30



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Thời gian tổ chức : 09 giờ 00, ngày 25 tháng 04 năm 2026 (Thứ bảy)

Địa điểm : Văn phòng Trụ sở chính Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera - KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian	Nội dung
09:00	Đón khách và Kiểm tra tư cách cổ đông
09:30	<ol style="list-style-type: none">1. Tuyên bố lý do khai mạc và giới thiệu Đại biểu khách mời, thành phần tham dự2. Công bố báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông3. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, Đại hội biểu quyết thông qua.4. Đọc Chương trình Đại hội.5. Nội dung báo cáo và thảo luận:<ol style="list-style-type: none">(1) Báo cáo HĐQT về hoạt động năm 2025 và kế hoạch 2026(2) Báo cáo Tổng giám đốc về tổng kết hoạt động năm 2025 và kế hoạch kinh doanh 2026(3) Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra trong năm 2025(4) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2025 đã kiểm toán(5) Tờ trình báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025(6) Tờ trình về thù lao HĐQT và BKS năm 2025(7) Tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2026(8) Tờ trình về việc thay đổi Quỹ đầu tư phát triển(9) Dự thảo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2026
	6. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên
10:30	7. Giải lao, tiệc nhẹ
10:45	8. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề trên Đại hội.
11:00	9. Đại diện Ban thư ký đọc Nghị quyết Đại hội.
11:30	10. Bế mạc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2026 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong năm 2025 của Hội đồng quản trị với một số nội dung chính như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ (<i>thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành</i>)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HDQT	26/04/2022	
2	CHEN JO YUAN	TV HDQT không điều hành	26/04/2022	
3	TANG TAI YING	TV HDQT độc lập	26/04/2022	
4	LONG GEN	TV HDQT kiêm TGD	26/04/2022	
5	WANG, JUI-CHUAN	TV HDQT độc lập	26/04/2022	
6	DING ZONG MING	TV HDQT độc lập	26/04/2022	

2. Các cuộc họp HDQT:

Stt	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	CHEN CHENG JEN	5	100%	-
2	CHEN JO YUAN	5	100%	-
3	TANG TAI YING	5	100%	-
4	LONG GEN	5	100%	-
5	WANG, JUI-CHUAN	5	100%	-

6	DING ZONG MING	5	100%	-
---	----------------	---	------	---

3. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2025/HĐQT-TCR	26/02/2025	- Nhất trí thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.	100%
2	02-2025/HĐQT-TCR	02/04/2025	- Nhất trí thông qua việc chốt ngày ĐHCĐ Thường niên 2024 và tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2025. - Nhất trí thông qua Kế hoạch dự toán Công ty cho năm tài chính 2025. - Nhất trí thông qua BCTC năm 2024 đã được kiểm bởi Công ty kiểm toán AASCs.	100%
3	03-2025/HĐQT-TCR	06/06/2025	- Nhất trí thông qua lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025.	100%
4	04-2025/HĐQT-TCR	05/10/2025	- Nhất trí thông qua các báo cáo tài chính 9 tháng năm 2025 và kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2025.	100%
5	05-2025/HĐQT-TCR	18/12/2025	- Nhất trí thông qua bán máy móc thiết bị thuộc xưởng 5.	100%

II. Kết quả thực hiện nghị quyết và hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1 Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Taicera đã hoàn thành đầy đủ các nghị quyết thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2025.

2.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 :

Nội dung	Thực hiện Năm 2025
<i>Doanh thu bán hàng</i>	877.034.075.297
<i>Lợi nhuận sau thuế Công ty</i>	2.008.825.998

2.3 Đánh giá kết quả thực hiện:

Trong qua trình điều hành, Ban giám đốc đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của hội đồng quản trị cũng như các quyết định của Hội đồng quản trị.

Năm 2025, do chính sách thắt chặt tín dụng của các ngân hàng tại Việt Nam và lãi suất vay vốn cao, cùng với các yếu tố bất định bên ngoài như chính sách thuế quan của Mỹ đầu năm, chiến tranh Nga-Ukraine và sự kiện Biển Đỏ..., hoạt động xuất khẩu của Taicera không đạt được mức tăng trưởng như mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, nhờ môi trường chính trị trong nước ổn định, kinh tế tăng trưởng với GDP đạt trên 8%, so với năm 2024, dù sản lượng tiêu thụ chưa đạt kỳ vọng, nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Taicera đã vượt qua giai đoạn khó khăn trong năm 2025.

Về tiếp thị (marketing): Năm 2025, kinh tế Việt Nam tăng trưởng trên 8%, thị trường bất động sản cải thiện rõ rệt so với năm 2024, các công ty xây dựng cũng triển khai nhiều dự án mới. Tuy nhiên, ngành gạch men lại đua nhau mở rộng sản xuất, dẫn đến tình trạng cung vượt cầu nghiêm trọng. Cạnh tranh về giá thấp để giành đơn hàng trở nên rất khốc liệt, tương tự như tình trạng “canh tranh tiêu hao” tại Trung Quốc. Nhiều nhà máy phải tạm dừng hoạt động do thiếu đơn hàng. Thực trạng này buộc chúng ta phải suy nghĩ cách đột phá, biến nguy thành cơ.

Taicera cần **thay đổi tư duy** → **chuyển đổi** → **tái cấu trúc** → **đổi mới sáng tạo** để thích ứng với môi trường chung. Theo mô hình marketing 4P, trước hết là **sản phẩm**. Trong hơn 30 năm qua, Taicera đã phát triển các sản phẩm khác biệt như: gạch đồng chất, gạch siêu trắng, công nghệ hai lớp liệu, mosaic... Với hệ thống máy móc linh hoạt (có xe goòng), công ty có thể sản xuất đa dạng, số lượng nhỏ theo nhu cầu thị trường, giúp duy trì mức tăng trưởng trên 15%.

Đối với các sản phẩm có thể sản xuất đại trà với chi phí thấp, Taicera hợp tác với các nhà cung cấp uy tín theo mô hình ODM, sau đó đưa ra thị trường với thương hiệu và giá bán do Taicera quyết định. Tức là sản xuất theo nhu cầu khách hàng (mô hình C to B) nhằm tránh tồn kho kém chất lượng.

Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ-Trung, sản phẩm gạch men xuất khẩu từ Trung Quốc sang Mỹ chịu thuế cao. Taicera đã tham gia triển lãm Coverings tại Mỹ với

các sản phẩm mới và đạt kết quả rất khả quan. Khi đơn hàng từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam, công ty đã phát triển nhiều sản phẩm mới, được thị trường đánh giá cao.

Tại thị trường nội địa Việt Nam, Taicera tích cực tham gia triển lãm Vietbuild. Đồng thời, công ty cũng thay đổi mạnh mẽ phương thức tiếp thị: tổ chức các buổi giới thiệu sản phẩm mới (2 lần/năm), cải tạo và thiết kế lại showroom tại các chi nhánh theo nhu cầu thị trường, xây dựng nền tảng giao tiếp hiệu quả với khách hàng.

Về sản xuất: Mô hình vận hành của Taicera đã chuyển từ **B to B (sản xuất cái mình có)** sang **C to B (sản xuất theo nhu cầu khách hàng)** với chuỗi cung ứng ngắn, linh hoạt, đa dạng sản phẩm với số lượng nhỏ. Do đó, công ty đã nâng cấp kỹ thuật xưởng 1 và xưởng 2, bổ sung thiết bị in phun kỹ thuật số để đáp ứng nhu cầu thị trường. Đối với sản phẩm đơn giản, sản xuất số lượng lớn, công ty hợp tác ODM với các nhà máy chất lượng cao để phục vụ khách hàng tốt hơn.

Giai đoạn 2025–2027 là thời kỳ biến động lớn của thế giới. Để thích ứng, cần sự phối hợp đồng bộ của 8 bộ phận: marketing, nhân sự, sản xuất, tài chính, công nghệ thông tin, quản lý, nghiên cứu phát triển và quản trị tổng hợp. Mặc dù năm 2025 gặp nhiều khó khăn từ môi trường quốc tế, nhưng nhờ nỗ lực của toàn thể đội ngũ, công ty đã vận hành ổn định và vượt qua thách thức.

III. Chi phí hoạt động, thù lao và phí, tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Điều hành

Năm 2025, do lợi nhuận sau thuế quá ít nên không chia thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

IV. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:
Không có

V. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Định kỳ sau khi kết thúc mỗi Quý, hàng năm xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập cuộc họp HĐQT để nghe và theo dõi các báo cáo về hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thực hiện quản

trị và điều hành các hoạt động Công ty. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT mỗi tháng tham gia đột xuất vào các cuộc họp trao đổi, thảo luận về công tác quản lý nội bộ Công ty của Ban Tổng Giám đốc đối với các Chủ quản Bộ phận chức năng chủ chốt của Công ty để nghe báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh, đồng thời đưa ra những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Ngoài ra, việc thực hiện báo cáo về tình hình hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trình HĐQT, cũng như việc cung cấp thông tin, công tác thực hiện báo cáo điều hành có liên quan đều rất thuận lợi. Ngoài những cuộc họp định kỳ, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo ý kiến lẫn nhau đối với 1 số vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động Công ty thông qua liên lạc bằng điện thoại; và khi cần thiết Hội đồng Quản trị sẽ thông qua phương thức liên lạc bằng điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để đưa ra nghị quyết đối với những vấn đề quan trọng.

VI. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập đối với hoạt động của HĐQT

6.1 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Căn cứ quyền hạn và nghĩa vụ được giao, tuân theo Quy chế nội bộ quản trị công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành, thành viên HĐQT độc lập tiến hành khảo sát thực tế và đánh giá mọi hoạt động của HĐQT.

6.2 Kết quả giám sát và đánh giá công tác quản trị công ty

Hệ thống quản trị công ty vận hành tốt, hiệu quả cao và không vi phạm pháp luật.

6.3 Kết luận:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2025.

Nhìn chung, mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn về suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài năm 2025, với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực và cẩn trọng trong chức năng nhiệm vụ của mình.

VII. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Kinh tế Việt Nam năm 2026 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng của chính trường quốc tế. Hội đồng quản trị dự tính chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2026 cho công ty như sau:

- Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu ban đầu chỉ là 40% nhưng sẽ tăng lên 50% trong năm nay
- Năm 2026, việc giám sát chi phí sản xuất hàng ngày sẽ được thực hiện, nguyên nhân lỗi trong chi phí sản xuất sẽ được tìm ra hàng ngày và các cải tiến sẽ được xem xét và cải tiến kịp thời. Đồng thời, một phần dây chuyền sản xuất dịch vụ đóng gói sẽ được thuê ngoài gia công để giảm chi phí nhân công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



CHEN CHENG JEN



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

•Kết quả hoạt động kinh doanh 2025:

Lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2025 là **5.906.339 m²**, tăng 0,03% so với năm 2024, doanh thu bán hàng đạt 877,034 tỷ đồng, giảm 3,4% so với năm 2024, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lần lượt chiếm 66,47% và 33,53%.

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2024-2025

Đơn vị tính: m²

Năm	2024		2025	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	3.574.530	2.330.719	3.925.723	1.980.616
Tỷ trọng (%)	60,53%	39,47%	66,47%	33,53%
Lượng tiêu thụ cả năm	5.905.249		5.906.339	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm (%)				+0,03%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2024-2025

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu bán hàng	914.263.719.497	877.034.075.297
Các khoản giảm trừ	5.550.262.363	2.328.377.899
Doanh thu thuần về bán hàng	908.713.457.134	874.705.697.398
Giá vốn hàng bán	845.740.657.037	802.147.817.372
Lợi nhuận gộp về bán hàng	62.972.800.097	72.557.880.026
Lợi nhuận thuần trước thuế	-61.069.506.934	2.008.825.998
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty	-61.069.506.934	2.008.825.998
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	-1.344	44

I. Tổng quan tình hình tài chính

Trong bối cảnh năm 2025 đầy thách thức, Công ty đã cải thiện rõ rệt hiệu quả hoạt động thông qua điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và tối ưu chi phí:

- **Doanh thu:** Doanh thu hoạt động chính đạt khoảng **877 tỷ**, giảm khoảng **4,07%** so với năm 2024 (914 tỷ). Nguyên nhân chính là do đơn hàng xuất khẩu giảm khoảng **60,1 tỷ** vì ảnh hưởng địa chính trị.
- **Khả năng sinh lời cải thiện rõ rệt:**
 - **Biên lợi nhuận gộp:** Tăng từ **7,42% (2024)** lên **10,86% (2025)**, cho thấy chiến lược chuyển dịch sang sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã phát huy hiệu quả.
 - **Kiểm soát chi phí:** Chi phí quản lý giảm khoảng **11,8%** so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả của tái cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu suất vận hành.
- **Cơ cấu tài chính:**

Mặc dù chi phí lãi vay (khoảng **25,8 tỷ**) vẫn gây áp lực lên lợi nhuận, nhưng nhờ cải thiện EBITDA, dòng tiền của Công ty đã trở nên ổn định hơn.

II. Các điểm nổi bật trong hoạt động

1. Phát triển thị trường:

Thành công thâm nhập kênh công trình chuyên nghiệp, phát huy lợi thế kỹ thuật chống mài mòn cao của gạch đồng chất Taicera.

2. Chiến lược xuất khẩu:

Ứng phó với xung đột thương mại Mỹ-Trung, triển khai mô hình “**nhận đơn tại Trung Quốc – sản xuất tại Việt Nam**”, giúp duy trì tỷ trọng xuất khẩu ở mức **35%–40%**.

3. Phát triển sản phẩm:

Bên cạnh các dòng hiện có như gạch dày 2cm và dòng chống trơn R-11 (Nhật Bản), năm 2025 Công ty đẩy mạnh cải thiện tỷ lệ đạt chuẩn của gạch hạt và gạch mosaic, tạo nền tảng cho các đơn hàng giá trị cao.

UQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ
TAICERA
H. LONG AN
HO CHIN HUNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Kính thưa quý cổ đông!

Triển vọng năm 2026, kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với các thách thức từ địa chính trị và lạm phát, tuy nhiên thị trường xây dựng trong nước Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi. Năm 2025, Công ty đã thành công nâng tỷ suất lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh chính từ 7,42% lên 10,86%, đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý.

Bước sang năm 2026, chúng tôi sẽ bước vào giai đoạn mới **“lấy hiệu quả làm động lực và kích hoạt tài sản”**, thông qua tối ưu cơ cấu vốn, phục hồi thị trường xuất khẩu và đổi mới mô hình hợp tác sản xuất, quyết tâm đưa Công ty chuyển lỗ thành lãi và tạo ra giá trị lâu dài cho cổ đông.

A. Định hướng và mục tiêu hoạt động năm 2026

1. Tối ưu cơ cấu tài chính:

- Dự kiến hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ tăng vốn 5 triệu USD nhằm bổ sung vốn lưu động, giảm tỷ lệ nợ và củng cố lại uy tín tín dụng trong chuỗi cung ứng.
- Tiếp tục cải thiện chỉ số EBITDA, mục tiêu đạt lợi nhuận hoạt động (Operating Profit) dương trong năm 2026.

2. Chỉ tiêu mở rộng thị trường:

- Tiếp tục nâng tỷ trọng xuất khẩu lên trên 50%.
- Khắc phục phần suy giảm xuất khẩu năm 2025 (khoảng 19,4 triệu Nhân dân tệ), đồng thời phát triển đơn hàng từ các thị trường mới.

3. Nâng cao hiệu quả sản xuất:

- Thúc đẩy tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn quy trình quản lý (chi phí quản lý năm 2025 đã giảm khoảng 11,8% so với năm 2024).
- Tối ưu mô hình ODM (gia công thuê ngoài), tập trung nguồn lực vào các sản phẩm cốt lõi có lợi nhuận cao.

B. Chiến lược marketing: phát triển thương hiệu & đa dạng hóa kênh phân phối

1. Thị trường quốc tế – phòng thủ chủ động và tấn công:



- Tiếp tục triển khai mô hình “nhận đơn tại Trung Quốc – sản xuất tại Việt Nam”, hỗ trợ đối tác tránh thuế quan cao, mở rộng thị trường Mỹ, EU và Nhật Bản.
- Tham gia các triển lãm Cersaie (Ý) và Coverings (Mỹ), duy trì vị thế thương hiệu Taicera ở phân khúc cao cấp toàn cầu.

2. Phát triển kênh chuyên biệt trong nước:

- Tập trung vào các **chuỗi không gian thương mại** (ngân hàng, siêu thị, quán cà phê) và **công trình công cộng** (bệnh viện, trung tâm hành chính).
- Triển khai mô hình “**showroom chuyên nghiệp Taicera**”, nâng cao hình ảnh đại lý và tăng cường kết nối với kiến trúc sư.

3. Mở rộng danh mục sản phẩm:

- Chính thức đưa vào dòng sản phẩm thiết bị vệ sinh, cung cấp giải pháp trọn gói “**gạch + thiết bị vệ sinh**”, nâng cao giá trị trên mỗi khách hàng.

C. Chiến lược sản xuất & hợp tác công suất: tối đa hóa nguồn lực

Để ứng phó biến động chi phí năng lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh, năm 2026 Công ty triển khai chiến lược “**tối ưu công suất hai chiều (nội bộ & bên ngoài)**”:

1. Nâng cao hiệu suất sử dụng công suất nội bộ:

- Hợp tác ngành và cho thuê thiết bị: chủ động trao đổi công suất hoặc cho thuê các lò nung hiệu suất cao đang nhàn rỗi.
- Chia sẻ nguồn lực để giảm chi phí cố định và tạo thêm nguồn thu dịch vụ.

2. Chiến lược thuê ngoài (bao lò):

- Phát huy lợi thế bổ sung, giảm chi phí: với các dòng sản phẩm không phải thế mạnh cốt lõi, sẽ hợp tác với các đơn vị có lợi thế thiết bị để sản xuất.
- Tận dụng chuyên môn của đối tác (ví dụ sản phẩm đặc thù hoặc tiêu hao năng lượng thấp) nhằm giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh.

D. Chiến lược R&D: nâng cao năng lực sản phẩm & khác biệt hóa

1. Nghiên cứu công nghệ mới:

- Đầu tư phát triển gạch hạt và tấm khổ lớn siêu mỏng, đáp ứng nhu cầu phân khúc nội thất cao cấp.

2. Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng cao:

- Bên cạnh các dòng hiện có như gạch đồng chất, gạch thạch anh phủ men, dòng chống trơn R-11 của Nhật, sẽ tăng cường đầu tư vào gạch hạt và mosaic – các dòng có biên lợi nhuận cao.
- Mở rộng sang lĩnh vực thiết bị vệ sinh, cung cấp giải pháp tổng thể cho công trình nội thất, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Trân trọng,

UQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HO CHIN HUNG



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty
- Căn cứ vào quá trình hoạt động kiểm soát trong năm 2025.

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức vào ngày 25/04/2026.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã triệu tập 5 cuộc họp định kỳ trong năm 2025 và thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2025. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	SHI, YAN-YANG	Trưởng BKS	26/04/2022	Kiểm toán, kế toán
2	CHEN DING	TV BKS	26/04/2022	Kế toán
3	CHEN ZOEY	TV BKS	26/04/2022	Nghiên cứu Tài chính

2. Cuộc họp của BKS:

Hàng năm BKS sẽ cùng tham gia các cuộc họp HĐQT.

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	CHEN ZOEY	5	100%	100%	
2	CHEN DING	5	100%	100%	
3	SHI, YAN-YANG	5	100%	100%	

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025

a) Về sản xuất kinh doanh

Bảng so sánh các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2024 & 2025. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	914.263.719.497	877.034.075.297
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	-61.069.506.934	2.008.825.998
3	Tiền mặt và TGNH	39.729.999.107	45.227.751.463
4	Khoản vay Ngân hàng	404.749.328.350	312.091.529.895
5	Lợi nhuận gộp bán hàng/doanh thu thuần	6,93%	8,30%
6	LNST của công ty mẹ/Doanh thu thuần	-6,72%	-
7	LNST của công ty mẹ /Vốn Điều lệ	-13,44%	-
8	Tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản	63,04	61,70
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,05	1,04
10	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,39	0,39
11	Hệ số ROA (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)	-6,19%	-
12	Hệ số ROE (tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu)	-6,72%	0,23%
13	EPS (Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu)	-1.344	44

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán BDO) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

b) Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong và ngoài nước, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia.
- Trong nước: chủ yếu 7 chi nhánh, lần lượt đặt tại Tp.HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Nha Trang, Đà Nẵng, Đồng Nai.
- Tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu năm 2025 lần lượt là 66,47% và 33,53%, lượng xuất khẩu giảm 15,02% so với năm ngoái.

c) Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

a) Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp năm (05) lần trong năm 2025 để nắm bắt tình hình quản trị công ty của Tổng Giám đốc điều hành và tiến độ thực thi các mục tiêu kinh doanh của công ty, ngoài ra thực hiện kiểm soát tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính để kịp đưa ra chỉ đạo phù hợp nhằm cải thiện tốt hơn. Qua đánh giá, Ban kiểm soát khẳng định Hội đồng quản trị đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc giám sát, đôn đốc và thực hiện hiệu quả các công việc quản lý.

b) Hoạt động giám sát của BKS đối với Tổng giám đốc điều hành:

- Tổng giám đốc thực hiện tốt các quyết định của HĐQT và nghị quyết Đại hội cổ đông, thực hiện điều chỉnh kịp thời chiến lược sản xuất và kinh doanh dựa trên mục tiêu kinh doanh dự kiến năm 2025, và cố gắng nỗ lực hoàn thành tổng thể mục tiêu năm 2025.

- Về mặt công tác kế toán: Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra.

c) Hoạt động giám sát của BKS đối với cổ đông:

Quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty đều được đảm bảo và tôn trọng, như quyền tiếp cận thông tin về hoạt động công ty, báo cáo tài chính, thực hiện quyền cổ đông ... đều được công bố công khai qua Website của công ty, HSX, và Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo định kỳ và không định kỳ.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Tình hình phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, và các cán bộ quản lý khác diễn ra thuận lợi.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có

III. Kế hoạch của ban kiểm soát trong 2026:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Tăng cường hơn trong công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong hệ thống để theo dõi việc thực hiện các quy chế hoạt động của công ty và nâng cao khả năng đảm bảo an toàn về mặt tài chính của công ty.

Năm 2026, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng Điều lệ công ty và phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán và luật doanh nghiệp.

IV. Ban kiểm soát đưa ra kiến nghị:

- Kiến nghị thực hiện phương pháp bình quân gia quyền KPI (chỉ tiêu thành tích chủ yếu) làm công cụ tính thành tích và cải thiện hoạt động kinh doanh.

- Kiến nghị nâng cấp và ứng dụng hệ thống quy trình vận hành doanh nghiệp làm hệ thống công cụ quản lý nội bộ và cải tiến vận hành

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



SHI YAN YANG



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO và đã được công bố theo quy định, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Chen Cheng Jen
CHEN CHENG JEN

TỜ TRÌNH

V/v: Báo cáo phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera;
- Căn cứ Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh năm 2026.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng
Mức thuế dự kiến của năm 2025:	0 đồng
Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng
LNST của công ty mẹ trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng

Do lợi nhuận sau thuế quá ít, vì vậy công ty không có chi trả cổ tức, không trích lập các quỹ.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



CHEN CHENG JEN

TỜ TRÌNH

V/v thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2025.
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh doanh của năm 2026

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua mức thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

- Mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2025 tương ứng với 0% lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:
 - Tổng lợi nhuận sau thuế: 2.008.825.998 đồng.
 - Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát: 0 đồng.

Do Lợi nhuận sau thuế 2025 quá ít, nên không có thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



CHEN CHENG JEN

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thường niên thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026, như sau:

1. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026:

Công ty TNHH Kiểm toán BDO

- Địa chỉ trụ sở chính: 11/F Nguyễn Đình Chiểu, P.Tân Định, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.39 910033 Fax: 028.39 117439
- Website: www.bdo.vn

2. Trong trường hợp công ty kiểm toán trên không phù hợp, ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thuộc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố năm 2026 cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,



TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi Quỹ đầu tư phát triển

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA

- Căn cứ vào Luật kế toán hiện hành.

Nay Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera kính trình đại hội cổ đông thông qua quyết định chuyển một phần tiền từ Quỹ đầu tư phát triển vào hạng mục Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (lũy kế đến thời điểm hiện tại): 17.639.505.958 đồng

- Số tiền trích chuyển qua:

(chiếm 10% Quỹ đầu tư phát triển): ~~1.763.950.596 đồng~~

Mục đích sử dụng: số tiền này sẽ được dùng để chi cho các hạng mục liên quan về tài chính Công ty và phục vụ cho mục đích phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với quy định Luật kế toán Việt Nam.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



CHEN CHENG JEN

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

V/v: Thông qua các nội dung chủ yếu của Đại hội cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.
- Căn cứ kết quả biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera được tổ chức ngày 25 tháng 04 năm 2026, tại Văn phòng Trụ sở chính Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera-KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai. Tổng số cổ đông tham dự gồm..... người, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần biểu quyết của công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau:

ĐIỀU 1: THÔNG QUA BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2024.

Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2025 là **5.906.339 m²**, tăng 0,03% so với năm 2024, doanh thu bán hàng đạt 877,034 tỷ đồng, giảm 3,4% so với năm 2024, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lần lượt chiếm 66,47% và 33,53%.

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2024-2025

Đơn vị tính: m²

Năm	2024		2025	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	3.574.530	2.330.719	3.925.723	1.980.616
Tỷ trọng (%)	60,53%	39,47%	66,47%	33,53%
Lượng tiêu thụ cả năm	5.905.249		5.906.339	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm (%)				+0,03%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2024-2025

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu bán hàng	914.263.719.497	877.034.075.297
Các khoản giảm trừ	5.550.262.363	2.328.377.899
Doanh thu thuần về bán hàng	908.713.457.134	874.705.697.398
Giá vốn hàng bán	845.740.657.037	802.147.817.372
Lợi nhuận gộp về bán hàng	62.972.800.097	72.557.880.026
Lợi nhuận thuần trước thuế	-61.069.506.934	2.008.825.998
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty	-61.069.506.934	2.008.825.998
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	-1.344	44

ĐIỀU 2: THÔNG QUA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2026.

A. Định hướng và mục tiêu hoạt động năm 2026

1. Tối ưu cơ cấu tài chính:

- Dự kiến hoàn thành kế hoạch phát hành riêng lẻ tăng vốn 5 triệu USD nhằm bổ sung vốn lưu động, giảm tỷ lệ nợ và củng cố lại uy tín tín dụng trong chuỗi cung ứng.
- Tiếp tục cải thiện chỉ số EBITDA, mục tiêu đạt lợi nhuận hoạt động (Operating Profit) dương trong năm 2026.

2. Chỉ tiêu mở rộng thị trường:

- Tiếp tục nâng tỷ trọng xuất khẩu lên trên 50%.
- Khắc phục phần suy giảm xuất khẩu năm 2025 (khoảng 19,4 triệu Nhân dân tệ), đồng thời phát triển đơn hàng từ các thị trường mới.

3. Nâng cao hiệu quả sản xuất:

- Thúc đẩy tái cơ cấu tổ chức, tinh gọn quy trình quản lý (chi phí quản lý năm 2025 đã giảm khoảng 11,8% so với năm 2024).
- Tối ưu mô hình ODM (gia công thuê ngoài), tập trung nguồn lực vào các sản phẩm cốt lõi có lợi nhuận cao.

B. Chiến lược marketing: phát triển thương hiệu & đa dạng hóa kênh phân phối

• Thị trường quốc tế – phòng thủ chủ động và tấn công:

- Tiếp tục triển khai mô hình “nhận đơn tại Trung Quốc – sản xuất tại Việt Nam”, hỗ trợ đối tác tránh thuế quan cao, mở rộng thị trường Mỹ, EU và Nhật Bản.
- Tham gia các triển lãm Cersaie (Ý) và Coverings (Mỹ), duy trì vị thế thương hiệu Taicera ở phân khúc cao cấp toàn cầu.

• Phát triển kênh chuyên biệt trong nước:

- Tập trung vào các **chuỗi không gian thương mại** (ngân hàng, siêu thị, quán cà phê) và **công trình công cộng** (bệnh viện, trung tâm hành chính).
- Triển khai mô hình “**showroom chuyên nghiệp Taicera**”, nâng cao hình ảnh đại lý và tăng cường kết nối với kiến trúc sư.

• Mở rộng danh mục sản phẩm:

- Chính thức đưa vào dòng sản phẩm thiết bị vệ sinh, cung cấp giải pháp trọn gói “**gạch + thiết bị vệ sinh**”, nâng cao giá trị trên mỗi khách hàng.

C. Chiến lược sản xuất & hợp tác công suất: tối đa hóa nguồn lực

Để ứng phó biến động chi phí năng lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh, năm 2026 Công ty triển khai chiến lược “**tối ưu công suất hai chiều (nội bộ & bên ngoài)**”:

1. Nâng cao hiệu suất sử dụng công suất nội bộ:

- Hợp tác ngành và cho thuê thiết bị: chủ động trao đổi công suất hoặc cho thuê các lò nung hiệu suất cao đang nhàn rỗi.
- Chia sẻ nguồn lực để giảm chi phí cố định và tạo thêm nguồn thu dịch vụ.

2. Chiến lược thuê ngoài (bao lò):

- Phát huy lợi thế bổ sung, giảm chi phí: với các dòng sản phẩm không phải thế mạnh cốt lõi, sẽ hợp tác với các đơn vị có lợi thế thiết bị để sản xuất.
- Tận dụng chuyên môn của đối tác (ví dụ sản phẩm đặc thù hoặc tiêu hao năng lượng thấp) nhằm giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh.

D. Chiến lược R&D: nâng cao năng lực sản phẩm & khác biệt hóa

• Nghiên cứu công nghệ mới:

- Đầu tư phát triển gạch hạt và tấm khổ lớn siêu mỏng, đáp ứng nhu cầu phân khúc nội thất cao cấp.

• Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng cao:

- Bên cạnh các dòng hiện có như gạch đồng chất, gạch thạch anh phủ men, dòng chống trơn R-11 của Nhật, sẽ tăng cường đầu tư vào gạch hạt và mosaic – các dòng có biên lợi nhuận cao.
- Mở rộng sang lĩnh vực **thiết bị vệ sinh**, cung cấp giải pháp tổng thể cho công trình nội thất, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Trong bối cảnh năm 2025 đầy thách thức, Công ty đã cải thiện rõ rệt hiệu quả hoạt động thông qua điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và tối ưu chi phí:

- **Doanh thu:** Doanh thu hoạt động chính đạt khoảng **239 triệu Nhân dân tệ**, giảm khoảng **6,7%** so với năm 2024 (256 triệu). Nguyên nhân chính là do đơn hàng xuất khẩu giảm khoảng **19,4 triệu Nhân dân tệ** vì ảnh hưởng địa chính trị.
- **Khả năng sinh lời cải thiện rõ rệt:**
 - **Biên lợi nhuận gộp:** Tăng từ **7,42% (2024)** lên **10,86% (2025)**, cho thấy chiến lược chuyển dịch sang sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã phát huy hiệu quả.
 - **Kiểm soát chi phí:** Chi phí quản lý giảm khoảng **11,8%** so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả của tái cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu suất vận hành.
- **Cơ cấu tài chính:** Mặc dù chi phí lãi vay (khoảng **7,1 triệu Nhân dân tệ**) vẫn gây áp lực lên lợi nhuận, nhưng nhờ cải thiện EBITDA, dòng tiền của Công ty đã trở nên ổn định hơn.

ĐIỀU 3: THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo Ban kiểm soát.

ĐIỀU 4: THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán BDO và đã được công bố theo quy định, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

ĐIỀU 5: THÔNG QUA KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty với nội dung như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng
Mức thuế dự kiến của năm 2025:	0 đồng
Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng
LNST của công ty mẹ trong năm 2025:	2.008.825.998 đồng

Do lợi nhuận sau thuế quá ít, vì vậy công ty không có chi trả cổ tức, không trích lập các quỹ.

ĐIỀU 6: THÔNG QUA THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2025

Mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2025 tương ứng với 0% lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 của Công ty, cụ thể như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 2.008.825.998 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát: 0 đồng.

Do Lợi nhuận sau thuế 2025 quá ít, nên không có thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

ĐIỀU 7: THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN.

Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera nhất trí thông qua chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026: Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Trong trường hợp công ty kiểm toán trên không phù hợp, ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thuộc danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố năm 2026 cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera.

ĐIỀU 8: THÔNG QUA VIỆC THAY ĐỔI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 thông qua quyết định chuyển một phần tiền từ Quỹ đầu tư phát triển vào hạng mục Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (lũy kế đến thời điểm hiện tại): 17.639.505.958 đồng

- Số tiền trích chuyển qua:

(chiếm 10% Quỹ đầu tư phát triển):

1.763.950.596 đồng

Mục đích sử dụng: số tiền này sẽ được dùng để chi các hạng mục liên quan về tài chính Công ty và phục vụ cho mục đích phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với quy định Luật kế toán Việt Nam.

ĐIỀU 9: TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2026.
2. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera có trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo Công ty thực hiện các nội dung của bản Nghị quyết này.

Nghị quyết này gồm 07 trang và được lập thành 05 bản, lưu tại văn phòng Công ty.

Đại hội bế mạc vào lúc 11h30 ngày 25/04/2026.

TM. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Số : HCM.TAENT.250603.HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026 từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 21 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.


NGUYỄN THỊ THANH

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0185-2023-038-1


TRẦN THỊ MAI HƯƠNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0417-2023-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.056.637.392	679.991.652.679
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	45.227.751.463	39.729.999.107
Tiền	111		45.227.751.463	39.729.999.107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.582.252.000	37.987.946.760
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	30.582.252.000	37.987.946.760
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.641.810.835	170.481.955.933
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	158.027.834.074	149.725.564.057
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.934.907.327	14.560.007.492
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	15.400.374.900	6.196.384.384
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(15.721.305.466)	-
Hàng tồn kho	140	4.7	354.923.325.863	404.444.891.540
Hàng tồn kho	141		389.382.507.053	417.087.965.886
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.459.181.190)	(12.643.074.346)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.681.497.231	27.346.859.339
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	6.542.215.797	10.297.423.483
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	14.871.682.457	16.781.836.879
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	267.598.977	267.598.977
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		342.923.516.395	307.297.609.587
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.215.202.848	1.300.799.625
Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.215.202.848	1.300.799.625
Tài sản cố định	220		284.422.976.940	239.436.914.102
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	278.831.637.420	232.823.331.021
Nguyên giá	222		1.132.449.055.364	1.607.598.981.747
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(853.617.417.944)	(1.374.775.650.726)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	5.591.339.520	6.613.583.081
Nguyên giá	228		11.861.270.752	11.861.270.752
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.269.931.232)	(5.247.687.671)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.860.394.685	64.530.547.371
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	10.860.394.685	64.530.547.371
Tài sản dài hạn khác	260		46.424.941.922	2.029.348.489
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	46.424.941.922	2.029.348.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		957.980.153.787	987.289.262.266

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mẫu số B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		591.117.917.532	622.435.852.009
Nợ ngắn hạn	310		581.411.135.065	612.665.481.836
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	216.746.290.949	153.679.652.381
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	29.817.162.944	35.296.261.823
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	81.634.499	5.220.150
Phải trả người lao động	314		5.291.085.799	8.770.796.510
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	16.686.410.377	9.812.611.191
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	697.020.602	351.611.431
Vay và nợ ngắn hạn	320	4.17	312.091.529.895	404.749.328.350
Nợ dài hạn	330		9.706.782.467	9.770.370.173
Phải trả dài hạn khác	337	4.16	1.801.240.131	1.664.421.173
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	7.905.542.336	8.105.949.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	366.862.236.255	364.853.410.257
Vốn chủ sở hữu	410		366.862.236.255	364.853.410.257
Vốn cổ phần	411		454.328.360.000	454.328.360.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		454.328.360.000	454.328.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		86.520.960.000	86.520.960.000
Cổ phiếu quỹ	415		(76.940.800)	(76.940.800)
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.639.505.958	19.599.451.064
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		22.583.496.962	20.623.551.856
Lỗi lũy kế	421		(214.133.145.865)	(216.141.971.863)
- <i>đến cuối năm trước</i>	421a		(216.141.971.863)	(155.072.464.929)
- <i>lãi/(lỗ) của năm hiện hành</i>	421b		2.008.825.998	(61.069.506.934)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		957.980.153.787	987.289.262.266


 TRẦN ĐÌNH TÂM
 Người lập


 HO CHIN HUNG
 Kế toán trưởng




 TRẦN THÀNH JEN
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01		877.034.075.297	914.263.719.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.328.377.899	5.550.262.363
Doanh thu thuần về bán hàng	10	5.1	874.705.697.398	908.713.457.134
Giá vốn hàng bán	11	5.2	802.147.817.372	845.740.657.037
Lợi nhuận gộp	20		72.557.880.026	62.972.800.097
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.788.436.875	9.572.939.767
Chi phí tài chính	22	5.4	30.126.937.992	31.956.022.911
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.841.923.303</i>	<i>22.527.479.218</i>
Chi phí bán hàng	25	5.5	64.445.735.025	70.918.624.437
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	50.146.188.636	34.112.439.284
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(65.372.544.752)	(64.441.346.768)
Thu nhập khác	31		83.667.059.564	6.550.820.344
Chi phí khác	32		16.285.688.814	3.178.980.510
Lợi nhuận khác	40	5.7	67.381.370.750	3.371.839.834
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.008.825.998	(61.069.506.934)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.008.825.998	(61.069.506.934)
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	44	(1.344)



TRẦN ĐÌNH TÂM
Người lập



HỒ CHÍ HƯNG
Kế toán trưởng



CHEN CHENG JEN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.008.825.998	(61.069.506.934)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.792.627.516	29.720.627.166
Trích lập các khoản dự phòng	03	37.537.412.310	6.801.884.293
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(239.581.079)	(899.524.525)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(53.107.510.339)	(1.206.938.195)
Chi phí lãi vay	06	25.841.923.303	22.527.479.218
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	44.833.697.709	(4.125.978.977)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.612.905.181)	(24.202.500.238)
Thay đổi hàng tồn kho	10	56.058.658.833	6.011.197.950
Thay đổi các khoản phải trả	11	46.855.119.586	32.668.308.683
Thay đổi chi phí trả trước	12	(462.040.471)	7.874.402.924
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.049.148.822)	(22.215.043.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	104.623.381.654	(3.989.613.132)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(38.479.684.103)	(93.318.952.480)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	24.642.005.456	777.078.000
Tiền chi gửi tiền ngân hàng có kỳ hạn	23	-	(18.978.000.000)
Thu tất toán tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	7.392.869.760	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	907.735.010	429.860.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.537.073.877)	(111.090.014.285)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	747.801.680.582	887.657.404.165
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(841.356.099.524)	(797.829.232.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.554.418.942)	89.828.171.475
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	5.531.888.835	(25.251.455.942)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	39.729.999.107	64.937.405.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34.136.479)	44.049.788
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	45.227.751.463	39.729.999.107

Trần Đình Tâm

TRẦN ĐÌNH TÂM
Người lập

Ho Chín Hưng

HO CHIN HUNG
Kế toán trưởng



Chen Cheng Jen

CHEN CHENG JEN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần tại Việt Nam đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600254001 chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 3 tháng 11 năm 2023 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ban đầu, Công ty được thành lập như một công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 764/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 11 tháng 1 năm 1994.

Công ty được cấp các giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án như sau:

- Dự án Công ty cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera tại Khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai: theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 4336586377 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11 tháng 1 năm 1994 và chứng nhận thay đổi lần thứ 21 vào ngày 27 tháng 12 năm 2024, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 1 năm 1994;
- Dự án đầu tư Nhà máy Chi nhánh Công ty cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh) để xây dựng kho và phân xưởng sản xuất gạch mosaic: theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 3243156708 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa- Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2008 và chứng nhận thay đổi lần thứ 4 vào ngày 23 tháng 5 năm 2023, thời gian hoạt động của dự án là 44 năm kể từ ngày 2 tháng 1 năm 2008.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TCR.

Trụ sở của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái (trước ngày 01/07/2025 là xã Phước Thái, huyện Long Thành), tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty cũng có đăng ký thành lập các chi nhánh để hoạt động bán hàng tại các tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Khánh Hòa (Nha Trang) và Hải Phòng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch men, gạch thạch anh; sản xuất bột thạch anh nguyên liệu; và cho thuê nhà xưởng, nhà kho.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con như sau:

Công ty TNHH Teknia (mã số doanh nghiệp 3602456934)

- Địa chỉ: 247 Lý Thường Kiệt, phường Phú Thọ (trước 01/07/2025 là phường 15, quận 11), thành phố Hồ Chí Minh;
- Tỷ lệ lợi ích/ Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%;
- Hoạt động kinh doanh: thương mại;
- Tình trạng hoạt động: đã ngừng hoạt động; Công ty đã quyết định giải thể công ty con này từ tháng 8 năm 2022, hiện tại đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng nhân viên của Công ty là 413 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 539 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty và công ty con – Công ty TNHH Teknia.

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát bởi tập đoàn trên phương diện tài chính và chính sách hoạt động, thường được thể hiện qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày việc kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các điều chỉnh cần thiết được lập để đảm bảo sự nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán giữa Công ty (mẹ) và công ty con.

Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất kể từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán đi khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các giao dịch và số dư cũng như các khoản lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Số liệu so sánh là số vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và số cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch. Các khoản tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá ngân hàng nơi Công ty có tài khoản công bố tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo giá gốc.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm và hàng tồn kho khác có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là chi phí thuê đất và thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và vật liệu sản xuất xuất dùng, chi phí cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị và bảo trì, chi phí sử dụng phần mềm. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này từ 1 đến 3 năm.

3.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12,5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	8 năm
Tài sản khác	6 – 10 năm

3.9 Tài sản cố định vô hình*Phần mềm*

Phần mềm ERP và các phần mềm quản lý được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng từ 5 đến 8 năm.

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ("XDCB") là chi phí mua sắm và lắp đặt máy móc thiết bị chưa hoàn thành và chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.11 Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại như thuê hoạt động khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê hoạt động.

3.12 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các chi phí đã phát sinh trong năm nhưng thực tế chưa chi trả và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.14 **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

3.15 **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

3.16 **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Khi đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp Bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.18 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu là lãi/(lỗ) trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

3.19 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co., Ltd	Trung Quốc	Công ty mẹ cấp cao
Zhuhai Seagull Kitchen and Bath Products Co., Ltd.	Trung Quốc	Bên liên quan
Công ty TNHH Công nghiệp Nội thất Hải Âu (Việt Nam)	Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Công nghiệp Purity (Việt Nam)	Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Hannzen (Việt Nam)	Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Xinxingda Việt Nam	Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Việt Nam	Bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	775.768.969	834.987.854
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.451.982.494	38.895.011.253
	<u>45.227.751.463</u>	<u>39.729.999.107</u>

Tiền và các khoản tương đương tiền theo gốc nguyên tệ như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
VND	31.428.959.471	31.428.959.471	30.212.483.529	30.212.483.529
USD	525.534,68	13.775.308.314	374.718,98	9.517.515.578
EUR	830	21.584.150	-	-
IDR	1.194.000	1.899.528	-	-
		<u>45.227.751.463</u>		<u>39.729.999.107</u>

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 Trình bày lại VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.582.252.000	37.987.946.760
	<u>30.582.252.000</u>	<u>37.987.946.760</u>

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo gốc nguyên tệ như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
VND	26.100.000.000	26.100.000.000	33.645.000.000	33.645.000.000
USD	171.000	4.482.252.000	171.000	4.342.946.760
		<u>30.582.252.000</u>		<u>37.987.946.760</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 0% - 5,35%/năm tại các ngân hàng (Ngân hàng TNHH Indovina. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng First Commercial Bank) và được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này.

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 7.2)	820.082.602	2.472.917.183
Bên thứ ba		
- Castellon Tile Llc	35.943.172.235	22.457.523.792
- Công Ty TNHH Engar Việt Nam	28.538.259.750	73.755.000
- Davare Floors Inc	1.613.780.574	22.737.330.700
- Khách hàng khác	91.112.538.913	101.984.037.382
	158.027.834.074	149.725.564.057
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 4.6)	(10.576.772.844)	-
	147.451.061.230	149.725.564.057

Phân tích tuổi nợ của các khoản nợ phải thu như sau:

	31/12/2025 VND
Dưới 1 tháng	84.181.524.260
Từ 1 tháng đến 3 tháng	30.747.686.554
Từ 3 tháng đến 1 năm	34.296.859.809
Trên 1 năm	8.801.763.451
	158.027.834.074

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba		
- Công ty Cổ phần Quốc tế Pancera	3.700.337.831	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Gốm Sứ Glisten VN	-	3.645.377.147
- LMZ Trading Inc	524.720.000	607.947.858
- Wellstar Asia Limited	492.684.120	899.520.525
- Công ty TNHH Công Nghệ Khoa Học Iris	-	4.437.070.000
- Foshan Donghai Technology Co., Ltd	-	2.267.837.794
- Khác	217.165.376	2.702.254.168
	4.934.907.327	14.560.007.492

4.5 Phải thu khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho công nhân viên	232.000.000	775.857.556
Trợ cấp thôi việc đã trả	1.066.905.229	1.720.865.437
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 7.2)	-	53.397.705
Phải thu khác (*)	14.101.469.671	3.646.263.686
	15.400.374.900	6.196.384.384
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 4.6)	(5.144.532.622)	-
Giá trị thuần	10.255.842.278	6.196.384.384
Dài hạn		
Đặt cọc thuê xe nâng, văn phòng	1.215.202.848	1.300.799.625
	1.215.202.848	1.300.799.625

(*): Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, trong số dư phải thu khác này bao gồm 10.289.065.124 VND là khoản phải thu nhân viên do gây ra tổn thất cho Công ty; hiện tại, vụ việc đang được điều tra bởi cơ quan chức năng và Công ty đã lập dự phòng tổn thất đối với khoản phải thu này là 5.144.532.622 VND (thuyết minh 4.6).

4.6 Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số dư	31/12/2025	Số dư	31/12/2024
	VND	trong đó, lập dự phòng VND	VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu của khách hàng	158.027.834.074	10.576.772.844	149.725.564.057	-
Phải thu khác	10.289.065.124	5.144.532.622	-	-
	168.316.899.198	15.721.305.466	149.725.564.057	-

Tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	447.261.717
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) trong năm	15.721.305.466	(447.261.717)
Số dư cuối năm	15.721.305.466	-

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
<i>Giá gốc:</i>		
Hàng mua đang đi đường	18.688.000	-
Hàng gửi đi bán	3.664.856.978	-
Nguyên vật liệu	76.010.839.271	85.826.797.683
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.392.087.160	45.653.192.913
Thành phẩm	291.488.153.747	285.607.975.290
Hàng hóa	5.807.881.897	-
	389.382.507.053	417.087.965.886
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.459.181.190)	(12.643.074.346)
<i>Giá trị thuần</i>	354.923.325.863	404.444.891.540

Tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.643.074.346	5.393.928.336
Dự phòng trong năm	21.816.106.844	7.249.146.010
Số dư cuối năm	34.459.181.190	12.643.074.346

4.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	3.306.281.133
Chi phí bảo trì	2.133.436.904	4.599.541.196
Chi phí thuê đất, kho trả trước	1.276.213.320	1.182.874.285
Chi phí bảo hiểm	1.067.252.339	1.090.645.990
Chi phí khác	2.065.313.234	118.080.879
	6.542.215.797	10.297.423.483
Dài hạn		
Chi phí cải tạo nhà xưởng và nâng cấp máy móc	45.898.609.370	2.029.348.489
Chi phí khác	526.332.552	-
	46.424.941.922	2.029.348.489

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.029.348.489	422.671.972
Tăng trong năm	51.661.114.155	2.105.700.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.265.520.722)	(499.023.483)
Số dư cuối năm	46.424.941.922	2.029.348.489

4.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2025	11.861.270.752
Vào ngày 31/12/2025	11.861.270.752
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2025	5.247.687.671
Khấu hao trong năm	1.022.243.561
Vào ngày 31/12/2025	6.269.931.232
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2025	6.613.583.081
Vào ngày 31/12/2025	5.591.339.520

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.439.021.699 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.439.021.699 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 – DN/HN

4.10 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2025	312.615.918.293	1.205.224.191.185	17.790.171.408	2.554.373.753	69.414.327.108	1.607.598.981.747
Kết chuyển từ XD/CB	-	73.271.923.086	280.648.595	-	5.021.548.800	78.574.120.481
Thanh lý và xóa sổ	-	(549.687.237.143)	(3.164.909.276)	(328.516.734)	(543.383.711)	(553.724.046.864)
Vào ngày 31/12/2025	312.615.918.293	728.808.877.128	14.905.910.727	2.225.857.019	73.892.492.197	1.132.449.055.364
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2025	219.764.415.224	1.079.441.953.008	15.793.675.134	970.347.221	58.805.260.139	1.374.775.650.726
Khấu hao trong năm	9.610.051.368	19.568.106.818	389.139.744	230.370.157	1.972.715.868	31.770.383.955
Thanh lý và xóa sổ	-	(549.034.539.083)	(3.164.909.276)	(185.784.640)	(543.383.738)	(552.928.616.737)
Vào ngày 31/12/2025	229.374.466.592	549.975.520.743	13.017.905.602	1.014.932.738	60.234.592.269	853.617.417.944
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2025	92.851.503.069	125.782.238.177	1.996.496.274	1.584.026.532	10.609.066.969	232.823.331.021
Vào ngày 31/12/2025	83.241.451.701	178.833.356.385	1.888.005.125	1.210.924.281	13.657.899.928	278.831.637.420

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 624.978.162.571 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.132.953.041.623 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (thuyết minh 4.17) là 126.667.278.087 VND (31 tháng 12 năm 2024: 64.200.017.726 VND).

Thanh lý máy móc thiết bị xưởng 3 trong năm 2025: Vào ngày 18 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản Trị đã thông qua quyết định thanh lý máy móc thiết bị của xưởng 3 với giá trị còn lại là 143.724.760 VND và tiền thu từ thanh lý các máy móc này là 57.860 triệu VND (đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng), khách hàng đã thanh toán 29.508 triệu VND và phần còn lại sẽ được thanh toán không quá ngày 31 tháng 12 năm 2026.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị	10.765.394.685	51.828.904.685
Chi phí nâng cấp, sửa chữa lớn	95.000.000	12.701.642.686
	10.860.394.685	64.530.547.371
Tình hình tăng, giảm chi phí XDCB trong năm như sau:		
	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	64.530.547.371	4.278.181.501
Tăng trong năm	65.082.997.916	101.169.695.048
Kết chuyển tài sản cố định	(78.574.120.481)	(32.268.586.610)
Kết chuyển chi phí trả trước trong năm	(40.178.345.276)	(8.538.742.568)
Kết chuyển chi phí trong năm	(684.845)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	10.860.394.685	64.530.547.371

4.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba		
- Công ty TNHH MTV XTĐT Phương Quỳnh	31.726.370.320	27.499.151.640
- Công ty TNHH Thiết Bị Gốm Sứ Glisten VN	34.854.547.111	8.525.910.396
- Công ty TNHH Bình An Ceramic	18.077.154.621	8.462.008.350
- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu	13.697.182.713	14.892.897.615
- Khác	112.154.560.238	71.793.929.497
	210.509.815.003	131.173.897.498
Bên liên quan (Thuyết minh 7.2)	6.236.475.946	22.505.754.883
	216.746.290.949	153.679.652.381

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán là 116.611.989.346 VND.

4.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba		
- Edison International Co., Ltd	9.700.673.548	9.700.673.548
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Sang Ý	4.892.529.371	9.000.828.749
- Khác	15.223.523.437	9.494.759.526
	29.816.726.356	28.196.261.823
Bên liên quan (Thuyết minh 7.2)	436.588	7.100.000.000
	29.817.162.944	35.296.261.823

4.14 Thuế**Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	16.781.836.879	5.958.595.883
Phát sinh trong năm:		
- Thuế GTGT được khấu trừ	71.535.660.704	85.722.288.433
- Thuế GTGT đã khấu trừ	(50.997.343.071)	(45.572.819.117)
- Thuế GTGT được hoàn	(22.448.472.055)	(29.326.228.320)
Số dư cuối năm	14.871.682.457	16.781.836.879

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Vào ngày 31/12/2025 VND
Thuế GTGT	4.332.464	74.094.102	(78.426.374)	192
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.291.968.344	(4.291.968.344)	-
Thuế nhập khẩu	-	5.680.357.047	(5.680.357.047)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(267.598.977)	-	-	(267.598.977)
Thuế thu nhập cá nhân	887.686	1.158.967.013	(1.078.220.392)	81.634.307
Thuế nhà thầu	-	37.076.954	(37.076.954)	-
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Khác	-	205.365.004	(205.365.004)	-
Cộng	(262.378.827)	11.451.828.464	(11.375.414.115)	(185.964.478)
Trong đó:				
Phải thu	(267.598.977)			(267.598.977)
Phải trả	5.220.150			81.634.499

4.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phí hoa hồng bán hàng	5.087.046.855	2.745.830.601
Phí bảo trì phần mềm	5.677.320.000	2.794.000.000
Phí thuê dịch vụ bên ngoài	3.391.150.241	-
Chi phí tiền điện và chi phí vận chuyển	974.787.286	3.190.346.569
Lãi vay phải trả	542.517.340	749.742.859
Phí kiểm toán	281.000.000	225.000.000
Chi phí khác	732.588.655	107.691.162
	16.686.410.377	9.812.611.191

4.16 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	131.200.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban điều hành (Thuyết minh 7.2)	120.056.545	120.056.545
Nhận đặt cọc	157.549.518	-
Khác	419.414.539	100.354.886
	697.020.602	351.611.431
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.801.240.131	1.664.421.173
	1.801.240.131	1.664.421.173

4.17 Vay

		31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn			
Vay ngắn hạn ngân hàng	(a)	302.353.987.563	404.749.328.350
Vay bên liên quan (Thuyết minh 7.2)		2.000.000.000	-
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả		7.737.542.332	-
		312.091.529.895	404.749.328.350
Dài hạn			
Vay dài hạn ngân hàng	(b)	15.643.084.668	8.105.949.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả		(7.737.542.332)	-
		7.905.542.336	8.105.949.000
Cộng		319.997.072.231	412.855.277.350

(a): Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng với thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất vay hiện tại là từ 5%-10,3%, được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (thuyết minh 4.10) và bằng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thuyết minh 4.2), số dư vay tại các ngân hàng chi tiết như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngân hàng thương mại TNHH E Sun	109.227.703.527	118.619.259.894
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	57.371.849.235	96.848.898.644
Ngân hàng TNHH Indovina	51.150.951.154	74.744.290.249
Ngân hàng TNHH CTBC	38.984.429.716	35.536.547.005
Ngân hàng First Commercial Bank	23.453.390.020	29.659.119.726
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	22.165.663.911	24.866.904.718
Ngân hàng Sinopac	-	24.474.308.114
	302.353.987.563	404.749.328.350

(b): Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngân hàng như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Khoản vay (1)	12.168.000.000	5.000.000.000
Khoản vay (2)	3.475.084.668	3.105.949.000
	15.643.084.668	8.105.949.000

- Khoản vay (1) từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng vay số 6160-LAV- 202401083 ngày 20 tháng 12 năm 2024 với hạn mức vay là 18,000,000,000 VND, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân và nợ gốc được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý và lãi suất vay áp dụng trong năm là 8,0% - 8,5%/năm; Mục đích vay: Bổ đắp chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất gạch. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (thuyết minh 4.10).
- Khoản vay (2) từ Ngân hàng thương mại TNHH E Sun theo hợp đồng vay số 1000247LD001202417 ngày 18 tháng 3 năm 2024 với hạn mức vay là 24,000,000,000 VND, thời hạn vay là 36 tháng và nợ gốc được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý, và lãi suất vay áp dụng trong năm là 8,2%/năm; Mục đích vay: mua máy móc và thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty (thuyết minh 4.10).

4.17 Vay (tiếp theo)

Tình hình biến động khoản vay trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	412.855.277.350	322.913.604.544
Vay trong năm	747.801.680.582	887.770.905.496
Trả trong năm	(841.356.099.524)	(797.829.232.690)
Chênh lệch tỷ giá	696.213.823	-
Số dư cuối năm	<u>319.997.072.231</u>	<u>412.855.277.350</u>

Các khoản vay theo gốc nguyên tệ như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
VND	314.509.220.712	314.509.220.712	382.308.821.044	382.308.821.044
USD	209.364,10	5.487.851.519	1.202.616,39	30.546.456.306
		<u>319.997.072.231</u>		<u>412.855.277.350</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÔM SÚ TAICERA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 – DN/HN

4.18 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lỗi lũy kế</i>	<i>Cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước							
Số dư 01/01/2024	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	21.777.167.849	18.445.835.071	(155.072.464.929)	425.922.917.191
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(61.069.506.934)	(61.069.506.934)
Điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ khác	-	-	-	(2.177.716.785)	2.177.716.785	-	-
Số dư 31/12/2024	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	19.599.451.064	20.623.551.856	(216.141.971.863)	364.853.410.257
Năm nay							
Số dư 01/01/2025	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	19.599.451.064	20.623.551.856	(216.141.971.863)	364.853.410.257
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	2.008.825.998	2.008.825.998
Điều chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ khác	-	-	-	(1.959.945.106)	1.959.945.106	-	-
Số dư 31/12/2025	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	17.639.505.958	22.583.496.962	(214.133.145.865)	366.862.236.255

Việc chuyển một phần Quỹ đầu tư phát triển sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Vốn cổ phần : Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 454.328.360.000 VND, chia thành 45.432.836 cổ phần.

4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	2025 VND	2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	454.328.360.000	454.328.360.000
+ Vốn góp cuối năm	454.328.360.000	454.328.360.000
Trừ: Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(76.940.800)	(76.940.800)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	454.251.419.200	454.251.419.200
Chi cổ tức trong kỳ/năm	-	-

Chi tiết cổ đông và cổ phần nắm giữ

Cổ đông	Vào ngày 31/12/2025 và 31/12/2024	
	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Union Time Enterprises Limited	13.265.600	29,20%
Sun Talent Limited	10.109.594	22,25%
Charmstar Business Corporation	7.658.268	16,86%
Tcrown Co., Ltd.	2.992.568	6,59%
Các cổ đông khác	11.399.112	25,09%
	45.425.142	99,98%
Cổ phiếu quỹ	7.694	0,02%
	45.432.836	100,00%

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2025	31/12/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.432.836	45.432.836
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	45.432.836	45.432.836
Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.694	7.694
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu thuần**

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	863.074.739.530	902.993.219.849
Doanh thu bán hàng hóa	2.922.695.837	3.086.847.900
Doanh thu cho thuê	11.036.639.930	8.183.651.737
	877.034.075.297	914.263.719.486
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.328.377.899)	(5.550.262.352)
Doanh thu thuần	874.705.697.398	908.713.457.134
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 7.2)	7.167.796.721	6.524.612.503

5.2 Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn hàng bán – thành phẩm	779.490.981.749	838.491.511.027
Giá vốn hàng bán – hàng hóa	348.910.282	-
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	491.818.497	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.816.106.844	7.249.146.010
Giá vốn hàng bán	802.147.817.372	845.740.657.037

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	907.735.010	429.860.195
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.880.701.865	9.143.079.572
	6.788.436.875	9.572.939.767

5.4 Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	25.841.923.303	22.527.479.218
Chiết khấu thanh toán	270.310.170	410.710.569
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.014.704.519	9.017.833.124
	30.126.937.992	31.956.022.911

5.5 Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	14.902.774.652	15.701.523.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.784.788	425.054.623
Chi phí vận chuyển	23.101.483.701	30.919.220.739
Chi phí hoa hồng	6.163.732.497	9.365.895.141
Chi phí thuê kho	6.255.323.846	7.487.478.040
Chi phí mua ngoài	7.287.338.436	5.873.736.633
Chi phí khác	6.355.297.105	1.145.716.178
	64.445.735.025	70.918.624.437

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.275.223.025	16.030.174.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.167.028	1.063.003.617
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	15.721.305.466	(447.261.590)
Chi phí thuê đất	4.428.890.832	4.515.071.266
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	5.058.035.008	4.357.712.920
Các chi phí khác	9.273.567.277	8.593.738.382
	50.146.188.636	34.112.439.284

5.7 Lợi nhuận khác

	2025 VND	2024 VND
<i>Thu thanh lý</i>	52.995.205.456	777.078.000
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý</i>	(795.430.153)	-
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	52.199.775.303	777.078.000
Giá trị còn lại của TSCĐ xóa sổ	(651.705.393)	-
Thu tiền điện, nước	3.309.173.107	701.729.997
Bán phế liệu	714.717.407	1.233.249.870
Xử lý nợ xấu	11.118.209.028	1.294.643.902
Tồn thất hàng tồn kho	-	(1.788.944.570)
Lợi nhuận khác	39.495.905	1.154.082.635
	67.381.370.750	3.371.839.834

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2025 VND	2024 VND
Lãi trước thuế theo kế toán	2.008.825.998	(61.069.506.934)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán khi xác định thu nhập chịu thuế:		
- Chi phí không được khấu trừ	2.223.188.106	6.364.992.205
- Chênh lệch tạm thời	41.855.339.708	7.249.146.010
Sử dụng lỗ tính thuế các năm trước	(46.087.353.812)	-
Thu nhập tính thuế/(Lỗ tính thuế)	-	(47.455.368.719)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản thuế hoãn lại của các khoản chênh lệch tạm thời về dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng nợ khó đòi chưa được ghi nhận là 10.036.097.319 VND.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)*Chuyển lỗ*

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau:

Năm	Được chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế phát sinh	Lỗ tính thuế đã sử dụng	Chuyển lỗ chưa sử dụng vào ngày 31/12/2025
		VND	VND	VND
2024	2029	47.455.368.719	(46.087.353.812)	1.368.014.907

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản thuế hoãn lại của khoản chuyển lỗ chưa sử dụng là 273.602.981 không được ghi nhận vì không có sự chắc chắn rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng được tài sản thuế hoãn lại này.

5.9 Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.008.825.998	(61.069.506.934)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	2.008.825.998	(61.069.506.934)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45.425.142	45.425.142
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	44	(1.344)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	614.097.586.875	649.944.823.928
Chi phí nhân công	118.199.858.482	159.378.502.203
Chi phí khấu hao	32.792.627.513	29.720.627.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.843.151.812	66.230.524.305
Chi phí dự phòng	37.537.412.310	6.801.884.420
Chi phí khác	35.553.849.775	23.341.650.439
	893.024.486.767	935.418.012.465

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận chính yếu của Công ty là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho bộ phận cũng như phân bổ cho các bộ phận theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản (không bao gồm phải thu khách hàng) và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: doanh thu và phải thu khách hàng của bộ phận được trình bày dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chỉ tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam.

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 Đơn vị tính : VND

	Trong nước		Nước ngoài		Cộng	
	2025	2024	2025	2024	2025	2024
Doanh thu	536.071.252.615	506.941.713.984	338.634.444.783	401.771.743.150	874.705.697.398	908.713.457.134
Chi phí bộ phận	(561.832.194.256)	(530.404.652.803)	(354.907.546.777)	(420.367.067.955)	(916.739.741.033)	(950.771.720.758)
Kết quả bộ phận	(25.760.941.641)	(23.462.938.819)	(16.273.101.994)	(18.595.324.805)	(42.034.043.635)	(42.058.263.624)

Số dư với khách hàng theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

	Trong nước		Nước ngoài		Cộng	
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024
Phải thu khách hàng	88.882.466.172	70.585.343.230	69.145.367.902	79.140.220.827	158.027.834.074	149.725.564.057
Người mua trả tiền trước	(16.391.714.960)	(22.133.305.978)	(13.425.447.984)	(13.162.955.845)	(29.817.162.944)	(35.296.261.823)
	72.490.751.212	48.452.037.252	55.719.919.918	65.977.264.982	128.210.671.130	114.429.302.234

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các cam kết****Các cam kết thuê**

Tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2025
	VND
Trong vòng một năm	13.589.512.250
Trong vòng hai đến năm năm	38.232.894.177
Trên năm năm	138.082.308.907
	189.904.715.334

7.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	Nội dung giao dịch	2025	2024
		VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp nội thất Hải Âu (Việt Nam)	Doanh thu bán hàng	412.613.266	-
	Chi hộ	-	53.397.705
Công ty TNHH Công Nghiệp Purity (Việt Nam)	Doanh thu cho thuê	3.790.980.882	3.750.579.540
Công ty TNHH Hannzen (Việt Nam)	Doanh thu cho thuê	1.608.522.401	1.570.094.031
Công ty TNHH Xinxingda Việt Nam	Doanh thu cho thuê	1.355.680.172	1.203.938.932
Zhuhai Seagull Kitchen and Bath Products Co., Ltd.	Mua hàng hóa	235.291.748	-
Guangzhou Seagull Kitchen And Bath Products Co., Ltd	Mua phần mềm	-	6.162.750.000
	Mua hàng hóa	4.496.468.403	-
	Phí bảo trì phần mềm	2.883.320.000	2.794.000.000
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Vay – lãi suất 0%	2.200.000.000	-

7.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan (tiếp)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Nội dung số dư	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty TNHH Công nghiệp nội thất Hải Âu (Việt Nam)	Người mua ứng tiền trước Phải thu khác Phải trả thương mại	- - -	(7.100.000.000) 503.397.705 (19.330.754.883)
Công ty TNHH Công nghiệp Purity (Việt Nam)	Phải thu thương mại Nhận đặt cọc thuê xưởng	548.516.046 (613.034.939)	38.814.953 (613.034.939)
Công ty TNHH Hannzen (Việt Nam)	Phải thu thương mại Người mua ứng tiền trước Nhận đặt cọc thuê xưởng	204.888.982 (436.588) (261.034.488)	1.832.997.990 - -
Công ty TNHH Xinxingda Việt Nam	Phải thu thương mại Nhận đặt cọc thuê xưởng	66.677.574 (218.583.362)	601.104.240 (218.583.362)
Guangzhou Seagull Kitchen and Bath Products Co., Ltd	Phải trả thương mại Chi phí trích trước	(6.137.748.448) (5.677.320.000)	(3.175.000.000) (2.794.000.000)
Zhuhai Seagull Kitchen and Bath Products Co., Ltd.	Phải trả thương mại	(98.727.498)	-
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Vay ngắn hạn	(2.000.000.000)	-

Thủ lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau :

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Ông Chen Cheng Jen	Chủ tịch HĐQT	630.515.336	709.187.325
Ông Long Gen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	579.361.388	574.662.431

Vào ngày kết thúc năm tài chính, thủ lao phải trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc như sau :

Tên	Chức vụ	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ông Chen Cheng Jen	Chủ tịch HĐQT	9.161.041	9.161.041
Ông Chen Jo Yuan	Thành viên HĐQT	9.161.041	9.161.041
Ông Tang Tai Ying	Thành viên HĐQT	9.161.041	9.161.041
Ông Long Gen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9.161.041	9.161.041
Ông Wang, Jui-Chuan	Thành viên HĐQT	9.161.041	9.161.041
Ông Ding Zong Min	Thành viên HĐQT	9.161.041	9.161.041
Bà Chen Zoey	Thành viên kiểm soát	46.768.217	46.768.217
Ông Chen Ding	Thành viên kiểm soát	9.161.041	9.161.041
Bà Shi, Yan-Yang	Trưởng ban kiểm soát	9.161.041	9.161.041
		120.056.545	120.056.545

7.3 Trình bày lại số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm hiện hành liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng; chi tiết như sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước (31/12/2024) VND	Điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Số liệu so sánh (31/12/2024) VND
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	37.987.946.760	37.987.946.760
Phải thu dài hạn khác	216	39.288.746.385	(37.987.946.760)	1.300.799.625
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024				
Thay đổi các khoản phải thu	09	(43.180.500.238)	18.978.000.000	(24.202.500.238)
Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	-	(18.978.000.000)	(18.978.000.000)

7.4 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trần Đình Tâm

TRẦN ĐÌNH TÂM
Người lập

Ho Chín Hưng

HO CHIN HUNG
Kế toán trưởng



Chen Cheng Jen
CHEN CHENG JEN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2026

